

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/KDTM-ST
Ngày: 07-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Dương;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 4 và ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLST-KDTM ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hợp tác xã H; địa chỉ: đường C, Khu phố M, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Uông Thanh V, sinh năm 1980; địa chỉ: đường L, Khu phố N, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 03/11/2018). Có mặt

2. Bị đơn: Công ty TNHH P; địa chỉ: đường T, Khu dân cư V, Khu phố A, phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Văn S; hộ khẩu thường trú: đường P; phường Q, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Chỗ ở hiện tại: đường T, Khu dân cư V, Khu phố A, phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/5/2016, Hợp tác xã H (gọi tắt là HTX) là bên B có ký Hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT/2006 với Công ty TNHH P là bên A, theo nội dung hợp đồng HTX H cung cấp vật liệu xây dựng cho công ty TNHH P tại công trình Doanh trại Đoàn tác chiến điện tử Miền Nam. Theo thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng về điều kiện thanh toán, thì phía công ty TNHH P có trách nhiệm thanh toán tiền hàng cho HTX H trong vòng 10 ngày.

Sau khi ký hợp đồng HTX H đã tiến hành cung cấp vật liệu xây dựng cho Công ty TNHH P theo đúng hợp đồng thỏa thuận. Sau khi giao hàng HTX H đã xuất hóa đơn sau:

Ngày 03/6/2016, xuất hóa đơn số 0000016, trị giá 56.148.457 đồng (năm mươi sáu triệu một trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi bảy đồng).

Ngày 30/6/2016, xuất hóa đơn số 0000021, trị giá 251.442.013 đồng (hai trăm năm mươi một triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn không trăm mười ba đồng).

Ngày 05/8/2016, Công ty TNHH P thanh toán cho HTX H 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Ngày 20/10/2016, Công ty TNHH P thanh toán cho HTX H 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Ngày 31/7/2016, xuất hóa đơn số 0000027, trị giá 166.668.205 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm lẻ năm đồng).

Ngày 12/9/2016, xuất hóa đơn số 0000039, trị giá 169.394.195 đồng (một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn một trăm chín mươi lăm đồng).

Tổng số tiền Công ty TNHH P còn nợ lại HTX H: 343.652.870 (ba trăm bốn ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi đồng).

Ngày 17/8/2017 giữa HTX H và Công ty TNHH P có đối chiếu công nợ, Công ty TNHH P có xác nhận nợ HTX H số tiền 343.652.870 (ba trăm bốn ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi đồng)

Nay HTX H yêu cầu Công ty TNHH P có trách nhiệm thanh toán cho HTX H

+ Hóa đơn số 0000016, ngày 30/6/2016, còn lại số tiền 7.590.470 đồng, không yêu cầu tính lãi.

+ Hóa đơn số 0000027, ngày 31/7/2016 trị giá 166.668.205 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm lẻ năm đồng) và tính lãi theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 10/8/2016 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

+ Hóa đơn số 0000039, ngày 12/9/2016 với số tiền 169.394.195 đồng (một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn một trăm chín mươi

lăm đồng) và tính lãi theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 22/9/2016 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn là Công ty TNHH P mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc khởi kiện, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH P vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ủy quyền cho ai đến tham gia việc giải quyết vụ án tại Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn vẫn yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu ý kiến:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu nhận xét về việc thực hiện quá trình tố tụng như sau: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán đã chấp hành đúng Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật tại phiên tòa của Hội đồng xét xử là đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thì nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn đã không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các hồ sơ có trong vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của HTX H là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do tranh chấp của các bên đương sự phát sinh từ quan hệ hợp đồng nên căn cứ theo quy định Điểm b, Khoản 1 Điều 35 và Điểm g, Khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn là Công ty TNHH P mặc dù đã được thông báo việc bị khởi kiện. Tuy nhiên, phía Công ty không có văn bản thể hiện ý kiến về việc bị khởi kiện cũng như vắng mặt tại các phiên công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử của Tòa án mà không có lý do. Như vậy, Công ty TNHH P đã tự từ bỏ quyền, và nghĩa vụ của mình. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Công ty TNHH P là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Ngày 02/5/2016, giữa HTX H và Công ty TNHH P có ký Hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT/2006 để HTX H cung cấp vật liệu xây dựng cho công ty TNHH P, HTX H đã giao vật liệu xây dựng và đã xuất hóa đơn cho Công ty TNHH P.

Xét nội dung tranh chấp giữa các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định: Giữa hai bên có ký kết Hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT/2006 để HTX H cung cấp vật liệu xây dựng cho công ty TNHH P, phía HTX H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, phía Công ty P đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết giữa hai bên, và theo bản xác nhận công nợ ngày 17/8/2017, phía bị đơn là Công ty P đã xác định còn nợ HTX H số tiền 343.652.870 (ba trăm bốn ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi đồng). Vì vậy, việc HTX H khởi kiện yêu cầu phía Công ty TNHH P phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn về việc yêu cầu thanh toán số tiền nêu trên là có cơ sở để chấp nhận.

Do bị đơn không thực hiện đúng thời hạn thanh toán tiền hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng mua bán đã ký kết giữa hai bên. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, thời gian thanh toán, là trong thời hạn 10 ngày, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn, tuy nhiên quá thời hạn 10 ngày, bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn, nên nguyên đơn có quyền yêu cầu tính lãi. Thời gian tính lãi là sau 10 ngày, kể từ ngày xuất hóa đơn là phù hợp nên được chấp nhận.

Hóa đơn số 0000027, ngày 31/7/2016 với số tiền 166.668.205 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm lẻ năm đồng) và tính lãi theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 10/8/2016 cho đến khi xét xử sơ thẩm và Hóa đơn số 0000039, ngày 12/9/2016 với số tiền 169.394.195 đồng (một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn một trăm chín mươi lăm đồng) và tính lãi theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 22/9/2016 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Các bên không thỏa thuận mức lãi suất chậm thanh toán, vì vậy theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, Công ty P phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán. Xác minh lãi suất nợ quá hạn đối với khoản vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương là 13%/năm, tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương là 12,5%/năm và tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 11,25%/năm thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình là 12,25%/năm, tương đương 1,020% tháng.

Vì vậy, việc tính lãi được xác định như sau:

+ Hóa đơn số 0000027, ngày 31/7/2016 với số tiền 166.668.205; tính lãi từ ngày 10/8/2016 đến ngày 07/5/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là 32 tháng 27 ngày x 166.668.205 đồng x 1.020%/tháng = 55.930.000 đồng (năm mươi lăm triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

+ Hóa đơn số 0000039, ngày 12/9/2016 với số tiền 169.394.195 đồng, tính lãi từ ngày 22/9/2016 đến ngày 07/5/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là 31 tháng 15 ngày x 169.668.205 đồng x 1.020% = 54.425.000 đồng (năm mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Đối với Hóa đơn số 0000016, ngày 30/6/2016, còn lại số tiền 7.590.470 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của HTX H với Công ty TNHH P về việc tranh chấp hợp đồng mua bán. Do đó, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc: 343.652.870 (ba trăm bốn ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi đồng), lãi: 110.355.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi: 454.007.870 đồng (bốn trăm năm mươi bốn triệu không trăm lẻ bảy nghìn tám trăm bảy mươi đồng).

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của HTX H được Tòa chấp nhận nên Công ty TNHH P phải chịu án phí theo quy định tại Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, các điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của HTX H đối với bị đơn Công ty TNHH P về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Buộc Công ty TNHH P thanh toán cho HTX H số tiền 454.007.870 đồng (bốn trăm năm mươi bốn triệu không trăm lẻ bảy nghìn tám trăm bảy mươi đồng), bao gồm nợ gốc: 343.652.870 (ba trăm bốn ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi đồng), tiền lãi: 110.355.000 đồng (một trăm mười triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn).

Kể từ ngày HTX H có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH P chậm trả số tiền trên thì phải trả lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Buộc Công ty TNHH P nộp số tiền 22.160.000 đồng (hai mươi hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

- Hoàn trả lại HTX H số tiền 10.966.000 (mười triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số AA/2016/0033329 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt và vắng mặt khi tuyên án được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp.TDM;
- Chi cục THADS Tp.TDM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Ngọc Hương